

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC QUANG  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 11 - 7 - 2022  
*"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Lam

Ông Nguyễn Hồng Diện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS, ngày 04/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh H "vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt".

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh H "vắng mặt".

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Hoàng Văn B trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị C tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang,

tỉnh Hà Giang vào tháng 3/2011 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn, anh chị cùng nhau sinh sống tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh H. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị C đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2014 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Anh B nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 16/01/2011. Khi ly hôn, anh B có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Văn V cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị C không gửi bản tự khai, không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của anh B, mặc dù đã được Tòa án trực tiếp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án. Tòa án đã triệu tập bị đơn là chị Nguyễn Thị C nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng chị C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với bà Nguyễn Thị Y là mẹ đẻ của bị đơn chị Nguyễn Thị C và đại diện UBND xã B nơi anh Hoàng Văn B và chị Nguyễn Thị C sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Anh Hoàng Văn B và chị Nguyễn Thị C đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh H. Hiện nay chị C đã bỏ nhà chồng đi từ cuối năm 2014 cho đến nay, khi đi chị C không khai báo tạm vắng và cũng không cung cấp địa chỉ nơi ở mới cho chính quyền địa phương. Anh Hoàng Văn B và chị Nguyễn Thị C cùng nhau xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Ngọc vào tháng 3/2011 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại thôn L, xã B, huyện B. Thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2014, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên anh chị thường xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 8/2014 chị C đã bỏ nhà chồng đi từ đó cho đến nay, anh chị mỗi người sống một

nơi, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đẩy làm. Quá trình chung sống anh chị có một con chung, cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 16/01/2011. Từ năm 2014 chị C bỏ nhà đi, cháu Vệ do anh B cùng ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tốt. Về tài sản chung và công nợ: Hiện nay anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Hoàng Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị C. Việc nuôi con: Đề nghị giao cháu Hoàng Văn V cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Về án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### *[1] Về tố tụng:*

*Về thẩm quyền:* Nguyên đơn là anh Hoàng Văn B có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị C có nơi cư trú tại thôn L, xã B, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

*Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn là anh Hoàng Văn B vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn B, chị Nguyễn Thị C.

#### *[2] Về nội dung:*

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn B và chị Nguyễn Thị C xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau. Mâu

thuần giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người ấy làm, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng chị Nguyễn Thị C không hợp tác để tham gia hòa giải. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Hoàng Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

[2.2] *Về việc nuôi con:* Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có một con chung, cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 16/01/2011. Về nguyện vọng nuôi con, anh B có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con; còn bị đơn là chị Nguyễn Thị C không thể hiện nguyện vọng về việc nuôi con, tuy nhiên trong thời gian anh chị sống ly thân đến nay, anh B vẫn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn V tốt, và lại cháu Hoàng Văn V cũng có nguyện vọng ở với anh B. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hoàng Văn V cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về chia tài sản chung:* Nguyên đơn là anh Hoàng Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Hoàng Văn V, sinh ngày 16/01/2011 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con*

*chung chị C, anh B có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.*

3. *Về án phí:* Anh Hoàng Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003136, ngày 19/5/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Chị Nguyễn Thị C không phải chịu án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Kim Ngọc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Hồng**

